

CỤM ĐỘNG TỪ TIẾNG STIÊNG

Phan Thanh Tâm¹

Tóm tắt

Bài viết này trình bày về cụm động từ tiếng Stieng có các thành phần phụ trước, thành phần trung tâm và thành phần phụ sau tương tự như cụm động từ trong tiếng Việt và cũng có chức năng làm thành phần kiến tạo nên câu, đồng thời nó cũng có thể đứng độc lập trong những ngữ cảnh cụ thể tạo nên một thông báo giữa người nói và người nghe.

Từ khoá: động từ, cụm động từ tiếng Stieng

1. Đặt vấn đề

Cụm động từ là cụm từ có động từ làm trung tâm, động từ trung tâm là động từ có ý nghĩa từ vựng trọn vẹn còn gọi là động từ độc lập, hoặc động từ trung tâm là động từ không có ý nghĩa từ vựng một cách trọn vẹn được gọi là động từ không độc lập, nó đòi hỏi phải có một từ khác đi sau để bổ sung ý nghĩa về mặt từ vựng của nó. Phần phụ trước và phần phụ sau của cụm động từ chịu sự chi phối của động từ trung tâm, mối quan hệ giữa các yếu tố trong cụm động từ có sự ràng buộc chặt chẽ với nhau. Các yếu tố xung quanh động từ trung tâm bổ sung ý nghĩa cho cụm động từ một cách hoàn chỉnh. Các yếu tố trong phần phụ trước bổ sung ý nghĩa về mặt thời và thể, mệnh lệnh thức, từ phủ định... Còn các yếu tố trong phần phụ sau bổ sung ý nghĩa cho động từ trung tâm về thời gian, đối tượng, tính chất. Trong bài viết này chúng tôi thông qua ngữ liệu khảo sát và thu thập được về tiếng Stieng từ thực địa tại tỉnh Bình Phước.

2. Cơ sở dẫn luận

2.1. Khái niệm về cụm động từ tiếng Việt

Khái niệm về động ngữ theo Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam là: Động ngữ là một ngữ mà động từ làm chính tố [8: 118].

¹ Thạc sĩ, Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM

Đỗ Thị Kim Liên quan niệm rằng “Động ngữ là một cụm từ tự do có quan hệ chính phụ, trong đó có động từ làm trung tâm, ngoài ra còn các thành tố khác quay quanh để bổ sung ý nghĩa cho từ trung tâm đó” [5: 90].

Còn Lê Đình Tư thì định nghĩa “Cụm động từ là loại cụm chính phụ, trong đó thành tố trung tâm là động từ còn các thành tố phụ có chức năng bổ sung ý nghĩa về cách thức, mức độ, thời gian, địa điểm... cho động từ trung tâm đó.” [Trang chuyên Ngôn ngữ học, 26/4/2010]

Diệp Quang Ban cho rằng “Cụm động từ là tổ hợp từ tự do không có kết từ đứng đầu, có quan hệ chính phụ giữa thành tố chính với thành tố phụ, và thành tố chính là động từ” [1: 62].

Chúng tôi đồng ý với ý kiến của hầu hết các nhà Việt ngữ học đã đưa ra khái niệm về cụm động từ trong tiếng Việt và chúng tôi thấy các khái niệm trên đều có những điểm chung như sau:

- Chỉ có thành phần trung tâm/chính tố là động từ;
- Động từ trung tâm thường chi phối các thành phần phụ ở phía sau cụm động từ.

2.2. Đặc điểm cấu tạo của cụm động từ trong tiếng Việt

Mô hình cấu tạo chung của cụm động từ trong tiếng Việt như sau:

Phần phụ trước	Phần trung tâm	Phần phụ sau
----------------	----------------	--------------

2.2.1. Phần phụ trước

Phần phụ trước của cụm động từ có thể là những từ chỉ sự tiếp diễn của hoạt động hay trạng thái (*đều, cũng, vẫn, cứ, còn...*), từ chỉ quan hệ thời gian của hoạt động hay trạng thái (*đã, vừa, mới, đang, sẽ...*), từ chỉ tần số khái quát của sự xuất hiện hoạt động trạng thái (*luôn luôn, thường, thường xuyên, thỉnh thoảng, đôi khi, ít, hiếm...*), từ nêu ý phủ định hay khẳng định (*có, không, chưa, chẳng...*), từ chỉ mệnh lệnh hay cầu khiến (*hãy, đừng, chớ, phải, cần, nên...*), từ chỉ mức độ của trạng thái (*rất, hơi, quá, lắm...*).

2.2.2. Phần trung tâm

Phần trung tâm của cụm động từ là một động từ (đi, ngồi, ăn, mang, bán, đi, về ...) hoặc là những tổ hợp gồm nhiều động từ (cần học, định đi, toan ra về, đi học, ngồi chơi, đứng khóc, bị phạt...).

2.2.3. Phần phụ sau

Phần phụ sau của cụm động từ có thể là danh từ (ăn rau), động từ (nói đề anh *biết*), tính từ (đi *nhANH*), đại từ (ghét *nó*), số từ (ăn *ba* ...), tình thái từ (nói *đi*), một cụm từ (nói *cho vui nhà*), một kết cấu chủ - vị (coi *tôi là bạn*; sai *tôi lên bảng*; nói rằng *chúng ta có nhiều tiến bộ*), từ chỉ phương hướng của hành động (*ra, vào, lên, xuống, đi, về, qua, sang, lại, thẳng, lùi, đến*...), từ chỉ thời gian mang ý nghĩa diễn tiến (*mãi, luôn, hoài, nữa, tiếp, liền, ngay, dần, dần dần, từ từ, tức khắc, tức thì*...), từ tình thái (*được, mất, phải, rồi, xong, đâu, đấy*...), từ chỉ cách thức (*lấy, với cùng, xong, rồi*...), từ chỉ mệnh lệnh hay câu khiến (*đã, đi, nào, thôi*...).

Tóm lại, cụm động từ trong tiếng Việt có ba phần: phần phụ trước, phần trung tâm và phần phụ sau. Tùy theo hoàn cảnh sử dụng trong giao tiếp, cụm động từ không nhất thiết phải có đầy đủ ba thành phần trên. Phần phụ trước của cụm động từ tập hợp chủ yếu các từ chỉ mối quan hệ với thời gian, chúng có tác dụng định tính mối quan hệ thời gian và thể trạng của hành động, số lượng từ không nhiều và vị trí được xác định khá nghiêm ngặt, gồm những từ chỉ sự tiếp diễn của hoạt động, chỉ thời gian của hành động hay trạng thái, từ tần số, từ phủ định hay khẳng định, từ mệnh lệnh và mức độ. Phần phụ sau của cụm động từ tập hợp chủ yếu các từ ngữ dùng để mở rộng nội dung của động từ trung tâm, chúng có tác dụng mở rộng nội dung về mặt nghĩa từ vựng của động từ trung tâm và thường là một từ, một cụm từ hay một kết cấu chủ - vị mang ý nghĩa nội dung của hành động nói đến ở phần trung tâm. Bài nghiên cứu *Cụm động từ trong tiếng Stiêng* của chúng tôi sẽ dựa trên cơ sở lý thuyết về cụm động từ trong tiếng Việt của các nhà Việt ngữ đã trình bày ở trên để nghiên cứu về cụm động từ trong tiếng Stiêng.

3. Cụm động từ trong tiếng Stiêng

Cụm động từ trong tiếng Stiêng cũng có mô hình cấu tạo giống như cụm động từ trong tiếng Việt: phần phụ trước – phần trung tâm – phần phụ sau. Các thành phần phụ trước, phần trung tâm, phần phụ sau cũng có trật tự giống như trong cụm động từ tiếng Việt, cụ thể như sau:

TT	Phần phụ trước (PPT)	Phần trung tâm (PTT)	Phần phụ sau (PPS)
1	đều <i>ku</i>	uống <i>yiêt</i>	rượu <i>bễh</i>
2	còn <i>'miêng</i>	mưa <i>mi</i>	hoài <i>rowoos rowoos</i>
3	vẫn <i>'broos</i>	khóc <i>yâm</i>	mãi <i>nggey</i>
4	cũng <i>ku</i>	nhớ <i>pluong</i>	cô ấy <i>mĩng ney</i>
5	mãi <i>nggey</i>	may <i>đĩr</i>	áo <i>âu</i>
6	tiếp tục <i>rogooop bograu</i>	khóc <i>yâm</i>	to <i>mĩh</i>
7	lại <i>kooi</i>	về <i>bâh</i>	nhà <i>nohi</i>
8	rất <i>mốt</i>	thích xem <i>knơhooor nhiang</i>	hoa <i>po kao</i>
9	sắp <i>dooc</i>	đến <i>tât</i>	súi rồi <i>nohoc hơi</i>
10	sẽ <i>đĩp</i>	đốt <i>sốh</i>	rẫy <i>miêr</i>
11	đã <i>hươi</i>	giã <i>pẻh</i>	gạo xong rồi <i>phẻi luóc hơi</i>
12	luôn luôn <i>nggey nggey</i>	đi (lên) <i>hăn</i>	rẫy sáng sớm <i>miêr uôi bi mắng</i>

13	thường <i>yay</i>	lấy <i>pooos</i>	nước ngoài suối <i>dak o nohoc</i>
14	thỉnh thoảng <i>ndrâh ndrâh</i>	đọc <i>ropoop</i>	sách <i>so'bot</i>
15	đùng <i>ăp</i>	đánh <i>wai</i>	tôi <i>hey</i>
16	không <i>'bôn</i>	ăn <i>sa</i>	đi <i>oos</i>
17	vừa <i>komông</i>	đi vào <i>hăn jôk</i>	nhà <i>nohi</i>
18	hãy <i>tăk</i>	nghĩ <i>gonêy</i>	cho cô ấy <i>an mững nêy</i>
19	chưa <i>dăn</i>	yêu <i>solanh</i>	cô gái ấy <i>ửn nêt</i>
20	không <i>'bôn</i>	chịu nuôi <i>củu cỉm</i>	con <i>kon</i>
21	khuyết PPT	mặc <i>dok</i>	áo trắng đi <i>ao bok oos</i>
22	khuyết PPT	rửa <i>lang</i>	chén <i>nggan</i>
23	khuyết PPT	nấu <i>gâm</i>	nước sôi <i>dak solôh</i>
24	khuyết PPT	gặt <i>crút</i>	lúa <i>ba</i>
25	khuyết PPT	tát <i>'bac</i>	nước <i>dak</i>
26	khuyết PPT	thức dậy <i>kăh thao</i>	nào <i>oos năh</i>
27	khuyết PPT	nhảy sang <i>luôt klong</i>	bờ bên kia <i>hang mât tou</i>
28	khuyết PPT	đi học <i>hăn rian</i>	ngay <i>kondăl</i>

29	khuyết PPT	đưa <i>huôl</i>	2 quyển sách cho anh ta <i>bar pondăh sobôt an mếq bu</i>
30	khuyết PPT	thôi <i>plôh</i>	lừa cho ấm <i>ốnh an rằm</i>
31	khuyết PPT	tặng <i>ton</i>	áo này cho tôi <i>ao au an hểy</i>
32	khuyết PPT	trả thù <i>tang dak</i>	cho anh ấy <i>an mểy nểy</i>
33	khuyết PPT	cho mượn <i>an wang</i>	tiền <i>prăk</i>
34	khuyết PPT	cắm hút <i>khất jôk</i>	thuốc lá <i>pokhău</i>
35	khuyết PPT	cắm vào <i>khất jôk</i>	nhà <i>nơhi</i>
36	khuyết PPT	thích đi săn <i>câp hăn cop</i>	với tôi <i>ô hey</i>
37	khuyết PPT	muốn học dệt <i>câp rian tanh</i>	vải <i>brai</i>
38	khuyết PPT	bắt đầu làm <i>sơ toom bơ</i>	công việc này <i>kính kar au</i>
39	khuyết PPT	xem/coi <i>nhiang</i>	tôi là bạn <i>hểy lah mắt</i>
40	khuyết PPT	trộn <i>jrao</i>	gạo với ngô <i>phey ô buôt</i>
41	khuyết PPT	từ chối nhận <i>klai hâk pơos</i>	tiền <i>prăk</i>
42	đã <i>hươl</i>	ngủ <i>băc</i>	khuyết PPS
43	đừng <i>ấp</i>	sợ <i>phống</i>	khuyết PPS

44	cứ <i>ku</i>	nói <i>mễnh</i>	khuyết PPS
45	đang <i>komễh</i>	đi chơi <i>hăn thiêng</i>	khuyết PPS
46	mới <i>'mễy</i>	định nghỉ học <i>cập olu rian</i>	khuyết PPS
47	lại <i>kooi</i>	đi học <i>hăn rian</i>	khuyết PPS
48	hãy <i>tăk</i>	ăn thử <i>sa long</i>	khuyết PPS
49	không <i>'bơn</i>	biết làm ăn <i>chai bơ sa</i>	khuyết PPS
50	khuyết PPT	bắt đầu đi <i>sơ toom hăn</i>	khuyết PPS
51	khuyết PPT	bị mất trộm <i>adíp sotỗp tỗng</i>	khuyết PPS
52	khuyết PPT	bị đánh chết <i>adíp wai chốt</i>	khuyết PPS
53	khuyết PPT	đi ăn cưới <i>hăn sa karsai</i>	khuyết PPS
54	khuyết PPT	ngồi chơi <i>gỗk thiêng</i>	khuyết PPS
55	khuyết PPT	biết ăn chơi <i>chai sa thiêng</i>	khuyết PPS

4. Kết luận

Hầu hết các trường hợp trên được chúng tôi khảo sát trên ngữ liệu tiếng Stiêng cho thấy cụm động từ trong tiếng Stiêng có các thành phần phụ trước, thành phần trung tâm và thành phần phụ sau tương tự như cụm động từ trong tiếng Việt. Một cụm động từ có thể khuyết phần phụ trước hoặc phần phụ sau nhưng không thể khuyết phần trung tâm. Cụm động từ trong tiếng Stiêng cũng giống như cụm động từ trong tiếng Việt có chức năng làm thành phần kiến tạo nên câu,

đồng thời nó cũng có thể đứng độc lập trong những ngữ cảnh cụ thể tạo nên một thông báo giữa người nói và người nghe. Chúng tôi có thể khái quát lại các thành phần trong cụm động từ như sau: Phần phụ trước của cụm động từ là các từ nói về thời thể, từ tình thái, từ câu khiến...; Phần trung tâm của cụm động từ là một động từ hay những tổ hợp của nhiều động từ. Động từ trung tâm giữ vai trò quyết định phần phụ trước và phần phụ sau của cụm động từ, trật tự này không thể đảo vị trí cho nhau được; Phần phụ sau của cụm động từ có thể là một từ và cũng có thể mở rộng bằng một cụm từ hay một cấu trúc chủ-vị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (2015), *Ngữ pháp tiếng Việt*, 2015, T2, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Tài Cẩn (1981), *Ngữ pháp tiếng Việt, tiếng - từ ghép - đoạn ngữ (in lần thứ hai)*, NXB ĐH&THCN.
3. Lê Khắc Cường (2011), “Danh ngữ tiếng Stiêng”, *Tạp san Khoa học Xã hội và Nhân văn, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP HCM*, số 50, tr.40-43.
4. Nguyễn Trung Lâm (2011), “Về động ngữ tiếng Việt”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, Ngoại ngữ 22, tr.225-231.
5. Đỗ Thị Kim Liên (1999), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
6. Haupers Ralph – Điều ‘Bi (1968), *Nói tiếng Sôđiêng (Stiêng Phrase Book), Sôđiêng – Việt – Anh*, Summer Institute of Linguistics. Saigon.
7. N.V.Xtankevich (1983), *Loại hình các ngôn ngữ*, NXB ĐH&THCN, Hà Nội.
8. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (1983), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

(Bài đã đăng trong Kỷ yếu Hội thảo *Giảng dạy Nghiên cứu Việt Nam học và Tiếng Việt*, NXB ĐHQG TP HCM, tháng 7/2018, tr.611-616)